TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thăng.

Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 03/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Thanh P1 bắt đầu chung sống từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, chị và anh P1 chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 giữa chị và anh P1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh P1 nhiều lần đánh đập chị. Chị và anh P1 đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng

không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh P1 nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh P1 có 01 con chung tên Huỳnh Thanh P2, sinh ngày 24/02/2006. Hiện tại cháu P2 đang sống chung anh P1 và gia đình anh P1 tại ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Cháu P2 có cuộc sống ổn định và đang đi học tại địa phương. Do đó, chị T yêu cầu tiếp tục để cháu P2 cho anh P1 tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con, nếu anh P1 có yêu cầu thì giữa chị với anh P1 sẽ tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh P1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh P1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh P1.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thanh P2, sinh ngày 24/02/2006 cho anh P1 tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trịnh Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh P1 và yêu cầu giao cháu Huỳnh Thanh P2 cho anh P1 nuôi dưỡng nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Thanh P1 có nơi cư trú tại ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh P1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh P1.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh P1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 28/4/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh P1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh P1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh P1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị T.

Thấy rằng, giữa chị T và anh P1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P1 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh P1 có 01 con chung tên Huỳnh Thanh P2, sinh ngày 24/02/2006. Chị T yêu cầu giao cháu P2 cho anh P1 tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình điều tra, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh P1 trong đó có nêu rõ về yêu cầu về con chung của chị T, nhưng anh P1 không thể hiện nguyện vọng của mình đối với con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...".*

Do anh P1 vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị T về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu Huỳnh Thanh P2 còn nhỏ và đang sống chung với anh P1. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao cháu P2 cho anh P1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P2 là được sống với anh P1. Nếu sau này chị T và anh P1 có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị T trình bày chị không cấp dưỡng nuôi con và anh P1 cũng không thể hiện yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu anh P1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 và Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Thi hành án dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị T, cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thanh P2, sinh ngày 24/02/2006 cho anh P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 40306 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh P1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh P1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm